

Bản tin Phân tích kỹ thuật

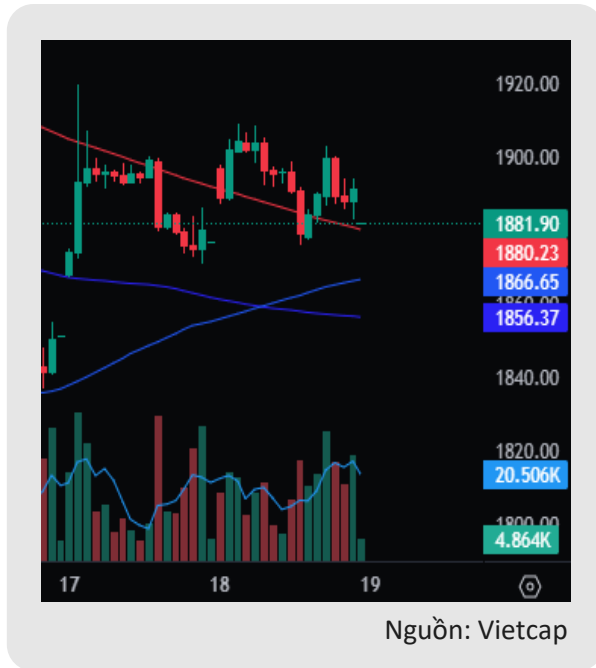
18/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G3000 giảm co phần lớn thời gian trong phiên sau khi mở cửa tăng điểm. Hợp đồng đóng cửa dưới đường MA20 thể hiện đà tăng đã suy giảm. (M15)
- Dự báo sẽ có nhịp điều chỉnh về vùng 1.850 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.876 điểm. Khuyến nghị mở vị thế bán nếu thỏa điều kiện trên và dừng lỗ tại ngưỡng 1.886 điểm.

Chiến lược:

- Bán khi vi phạm (SS): 1.876 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.850 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.886 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực



Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, lực mua vùng thấp tăng mạnh trên nhiều cổ phiếu Dầu khí, Bán lẻ, DV Tiện ích, Hóa chất. Ngược lại, cổ phiếu Ngân hàng tuy thu hút lực cầu chủ động đầu phiên nhưng vùng giá cao bị lấn át bởi hoạt động bán, áp lực chưa đáng kể. Cổ phiếu Chứng khoán bị lực bán tác động phần lớn thời gian trong ngày, áp lực không cao và chưa ghi nhận động thái từ hoạt động mua giá thấp.
- Dòng tiền cho thấy sự luân chuyển nhất định giữa các nhóm ngành. Hoạt động bán ngắn hạn bắt đầu xuất hiện ở nhóm Ngân hàng, trong khi lực cầu có dấu hiệu dịch chuyển sang Dầu khí, Bán lẻ, DV Tiện ích và Hóa chất. Tuy nhiên, mức độ lan tỏa vẫn chưa đủ rộng để tạo ra sự đồng thuận rõ ràng trên toàn thị trường, không xác nhận tín hiệu đáy.
- Tín hiệu hiện tại cho thấy VN-Index vẫn được dẫn dắt bởi một vài nhóm ngành nhất định. Do đó, xác suất cao sẽ tiếp tục dao động trong biên độ 1.700-1.730 (+/-10) điểm. Trường hợp biên độ giảm gia tăng đột ngột (tiếp cận 1.645 điểm), đà giảm nhiều khả năng sẽ được thu hẹp về cuối phiên nhờ lực cầu giá thấp. Khuyến nghị tạm ngưng mở mới tất cả các vị thế ngắn hạn và ưu tiên quan sát thêm phản ứng cung cầu tại cận dưới của biên độ dao động.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	91,700	6.13%	-10.97%	221,267	2.444	4,730	3.3	19.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	63,300	-6.36%	-4.52%	119,334	-1.367	3,150	2.0	20.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	41,300	2.10%	-0.96%	289,982	1.097	4,279	1.7	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	35,000	1.74%	-0.28%	271,843	0.854	4,454	1.5	7.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	165,900	6.96%	8.64%	60,719	0.761	8,873	7.6	18.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	48,450	6.13%	-12.23%	61,560	0.680	2,122	2.4	22.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	52,600	-2.95%	-5.40%	121,589	-0.646	2,713	2.8	19.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GVR	34,000	2.10%	-4.63%	136,000	0.515	1,406	2.4	24.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPX	31,000	-4.47%	-0.96%	58,125	-0.468	2,298	1.7	13.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HVN	21,400	-3.82%	-8.35%	66,586	-0.458	2,947	11.1	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	160,000	1.91%	0.19%	94,658	0.326	3,728	3.8	42.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	64,000	-6.98%	-17.63%	24,306	-0.305	7,965	1.6	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCK	35,000	-1.96%	14.75%	85,222	-0.301	1,613	3.0	21.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	44,350	7.00%	-7.89%	23,479	0.296	3,702	2.2	12.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VPL	77,800	1.17%	-0.38%	139,519	0.294	615	3.8	126.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVS	43,000	7.50%	-4.44%	21,991	0.807	3,560	1.5	12.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSF	80,600	0.75%	7.75%	72,523	0.266	17,478	4.1	4.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	157,500	-1.32%	-2.17%	31,500	-0.203	10,115	6.1	15.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
SHS	16,200	-2.41%	-6.90%	14,571	-0.172	1,501	1.2	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	24,400	-1.21%	-4.69%	16,282	-0.097	1,883	2.0	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	15,000	-1.96%	0.00%	8,511	-0.082	312	1.4	48.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	18,700	6.86%	-0.53%	2,110	0.071	1,455	1.4	12.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PVC	18,400	9.52%	1.10%	1,494	0.070	334	1.6	55.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PMC	142,900	9.92%	0.63%	1,334	0.065	8,819	5.5	16.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PLC	27,000	5.47%	-2.88%	2,182	0.058	168	1.8	160.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DNH	51,000	14.09%	-2.86%	21,222	0.093	2,227	3.7	22.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	18,000	10.43%	-15.89%	18,110	0.059	420	1.7	41.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	48,200	-1.03%	-3.41%	170,716	-0.054	3,026	2.4	15.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	77,900	2.50%	1.43%	58,055	0.045	4,627	5.3	17.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGI	86,000	-0.46%	-2.93%	263,421	-0.038	3,063	6.4	28.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	40,000	-8.68%	0.25%	8,533	-0.023	-368	5.7	-110.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	50,200	1.21%	-6.34%	60,107	0.023	1,624	4.3	30.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHB	12,900	16.22%	38.71%	3,336	0.017	40	5.3	307.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	50,800	-0.97%	1.40%	55,060	-0.017	10	4.5	4,873.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LIC	36,800	13.23%	42.64%	3,158	0.013	920	6.6	38.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PET	42,800	7.0%	145.8	93.1	16,453	41,600	1.9	17.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	48,400	6.5%	57.0	34.8	16,273	45,450	4.2	22.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSH	17,900	12.6%	15.6	2.1	9,878	15,900	0.9	1.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HMS	47,000	3.8%	6.3	0.6	29,898	45,429	0.8	3.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BSI	34,900	-1.6%	9.7	16.1	34,950	57,000	1.6	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAT	66,900	-11.0%	33.0	5.3	70,495	97,697	2.8	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PSI	8,500	4.9%	15.8	2.8	5,200	10,200	0.7	11.4	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			18/03/2026	17/03/2026	16/03/2026	13/03/2026	12/03/2026	11/03/2026	10/03/2026	09/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	34%	33%	32%	33%	32%	33%	30%	25%
		Dưới	66%	67%	68%	67%	68%	67%	70%	75%
	MA50	Trên	26%	26%	26%	27%	25%	27%	19%	16%
		Dưới	74%	74%	74%	73%	75%	73%	81%	84%
	MA20	Trên	22%	22%	23%	20%	18%	20%	13%	9%
		Dưới	78%	78%	77%	80%	82%	80%	87%	91%
VN30	MA200	Trên	50%	47%	43%	43%	43%	43%	43%	30%
		Dưới	50%	53%	57%	57%	57%	57%	57%	70%
	MA50	Trên	7%	7%	10%	7%	7%	17%	13%	13%
		Dưới	93%	93%	90%	93%	93%	83%	87%	87%
	MA20	Trên	17%	17%	10%	10%	7%	10%	7%	3%
		Dưới	83%	83%	90%	90%	93%	90%	93%	97%
HNX	MA200	Trên	43%	41%	42%	42%	42%	39%	36%	33%
		Dưới	57%	59%	58%	58%	58%	61%	64%	67%
	MA50	Trên	38%	37%	38%	37%	39%	36%	31%	27%
		Dưới	62%	63%	62%	63%	61%	64%	69%	73%
	MA20	Trên	43%	41%	42%	42%	42%	39%	36%	33%
		Dưới	57%	59%	58%	58%	58%	61%	64%	67%
UPCOM	MA200	Trên	28%	29%	29%	28%	27%	28%	25%	24%
		Dưới	72%	71%	71%	72%	73%	72%	75%	76%
	MA50	Trên	31%	31%	32%	32%	32%	32%	30%	28%
		Dưới	69%	69%	68%	68%	68%	68%	70%	72%
	MA20	Trên	39%	40%	40%	39%	39%	39%	38%	35%
		Dưới	61%	60%	60%	61%	61%	61%	62%	65%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 3												Tháng 2							
	18	17	16	13	12	11	10	09	06	05	04	03	02	27	26	25	24	23	13	12
1 Điện, nước & xăng d...	62	62	63	64	62	58	54	62	75	80	80	81	69	64	62	61	59	54	55	55
2 Y tế	62	63	60	60	73	74	-	-	-	-	-	-	54	61	62	68	64	53	51	48
3 Dầu khí	61	63	67	75	80	78	77	83	90	91	93	92	85	89	86	85	85	78	81	80
4 Hàng cá nhân & Gia ...	53	52	52	58	59	58	49	56	63	68	71	69	72	74	74	72	71	67	65	65
5 Hóa chất	52	55	60	67	66	63	60	64	69	72	78	81	76	75	75	73	65	57	57	57
6 Tài nguyên Cơ bản	49	50	51	55	54	54	48	46	48	51	55	57	66	71	72	65	60	58	55	53
7 Hàng & Dịch vụ Côn...	46	45	47	52	53	50	50	56	62	63	68	68	66	67	64	68	64	56	55	55
8 Bán lẻ	44	44	48	50	51	43	39	43	52	56	63	69	71	88	88	88	82	76	81	79
9 Xây dựng và Vật liệu	40	42	45	41	37	36	34	38	44	44	47	50	54	61	64	62	58	50	48	48
10 Ô tô và phụ tùng	40	43	43	42	40	39	36	37	42	44	50	54	53	59	61	61	59	52	50	50
11 Thực phẩm và đồ uống	38	38	38	38	37	35	31	33	38	41	43	44	45	57	63	62	60	53	56	55
12 Ngân hàng	37	35	34	35	35	36	31	35	37	40	43	49	55	62	64	59	55	52	46	46
13 Dịch vụ tài chính	36	36	36	39	42	43	42	51	59	55	54	52	58	61	63	62	53	49	36	34
14 Bất động sản	32	32	30	28	22	20	19	20	24	26	25	30	31	37	38	39	35	32	34	36
15 Bảo hiểm	32	31	30	31	31	31	28	33	35	37	47	54	55	63	70	70	68	56	62	66
16 Du lịch và Giải trí	20	21	25	25	25	23	22	24	27	31	31	36	45	43	46	51	47	39	38	38
17 Công nghệ Thông tin	12	12	10	10	11	11	10	10	13	13	14	17	24	33	34	36	36	39	44	48

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	161,000	0.5%	11.0%	208,408	11.5	29.2	5,518	65.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VCK	35,000	-2.0%	14.8%	85,222	3.0	21.7	1,613	430.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
REE	64,000	1.6%	6.0%	34,666	1.7	13.7	4,669	49.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEG	16,350	5.1%	5.8%	5,858	1.3	9.8	1,663	23.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PET	42,800	7.0%	17.7%	4,568	1.9	17.7	2,415	145.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PPC	10,650	2.9%	6.5%	3,415	0.8	20.1	530	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	48,400	6.5%	13.6%	2,961	4.2	22.8	2,127	57.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	8,300	-3.5%	15.3%	943	0.8	33.6	247	58.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSH	17,900	12.6%	28.8%	625	0.9	1.2	14,731	15.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NRC	6,100	1.7%	5.2%	565	0.5	15.9	383	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HMS	47,000	3.8%	37.4%	535	0.8	3.9	12,475	6.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PSI	8,500	4.9%	13.3%	509	0.7	11.4	745	15.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	50,800	-1.0%	1.4%	55,060	4.5	4,873.4	10	97.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	79,400	4.5%	3.8%	33,864	2.6	19.9	3,986	178.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VSC	25,800	2.8%	10.5%	9,659	1.8	28.2	915	241.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QTP	13,200	0.8%	3.1%	5,880	1.0	5.6	2,336	6.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	55,900	0.2%	-0.5%	4,083	2.7	209.2	267	28.5	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PAC	25,500	2.0%	5.4%	1,778	1.7	15.1	1,688	13.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVC	18,400	9.5%	1.1%	1,494	1.6	55.0	334	50.7	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MZG	12,500	-1.6%	8.7%	1,439	1.0	11.2	1,104	13.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HVN	21,400	-3.8%	-8.4%	66,586	11.1	7.3	2,947	50.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	22,000	-1.6%	-4.3%	18,812	1.7	25.1	876	10.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	136,700	-2.6%	-5.7%	11,190	3.9	9.1	15,010	42.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	27,400	-0.5%	-3.7%	9,494	2.2	23.6	1,161	15.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	23,500	-0.8%	-2.1%	2,633	1.1	9.8	2,402	33.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,400	-1.5%	-3.2%	2,427	0.5	36.5	148	26.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,800	-0.7%	-2.8%	1,932	1.1	13.0	1,064	19.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAT	66,900	-11.0%	-22.2%	1,679	2.8	4.8	13,900	33.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
APG	6,670	6.9%	-18.9%	1,492	0.6	273.1	24	6.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,600	-0.4%	-3.2%	203,108	1.2	8.5	3,024	239.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	48,200	-1.0%	-3.4%	170,716	2.4	15.8	3,026	55.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,000	-2.3%	-7.4%	69,751	2.2	14.1	1,988	1,197.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	54,100	0.0%	-3.9%	55,994	2.5	16.1	3,371	25.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,400	0.8%	-1.3%	29,571	1.2	12.8	2,450	102.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	16,150	-1.8%	-4.4%	24,585	1.2	12.2	1,328	140.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	64,000	-7.0%	-17.6%	24,306	1.6	8.0	7,965	41.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HCM	21,450	-1.8%	-5.3%	23,165	1.6	14.8	1,454	180.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	12,750	-2.3%	-3.0%	21,875	0.9	5.2	2,438	27.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	24,400	-1.2%	-4.7%	16,282	2.0	13.0	1,883	84.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	50,500	-0.2%	-1.6%	14,635	2.1	27.9	1,807	11.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,300	0.00%	1.94%	13,600	115.9%	581	0.6	10.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	13,800	0.36%	-0.36%	24,000	73.9%	229	1.1	60.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,250	0.33%	-0.33%	25,500	67.2%	353	1.2	43.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,200	0.00%	1.75%	43,700	66.8%	943	1.6	27.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	27,700	-0.36%	3.17%	45,800	65.3%	1,805	1.1	15.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	35,000	0.29%	2.94%	54,000	54.3%	1,638	1.8	21.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,000	-2.99%	17.12%	20,000	53.8%	862	0.6	15.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPB	25,600	-0.39%	-3.21%	38,000	48.4%	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	78,600	-1.01%	-2.00%	116,600	48.3%	5,511	3.7	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,000	-2.27%	-7.44%	40,800	45.7%	1,988	2.2	14.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,350	-0.84%	-2.81%	42,400	44.5%	1,917	1.7	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	64,000	-6.98%	-17.63%	91,200	42.5%	7,965	1.6	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACB	23,750	0.00%	2.37%	33,300	40.2%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDC	17,700	-0.84%	0.00%	24,600	39.0%	3,200	1.2	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	16,700	-0.60%	-1.76%	23,100	38.3%	1,726	0.9	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	42,600	0.00%	-0.93%	58,700	37.8%	4,506	1.6	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,550	-0.21%	1.42%	64,100	37.7%	3,130	2.4	14.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,300	0.00%	-2.57%	41,500	37.0%	3,577	1.3	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,400	0.80%	-1.26%	42,500	35.4%	2,450	1.2	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	43,000	7.50%	-4.44%	58,100	35.1%	3,560	1.5	12.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn